TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 23- 5-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Mai Thị Tiếp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án TP Thanh Hóa.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hóa tham gia phiên tòa***:

Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2023/TLST- KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính 1 Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số D P, phường K, Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Xuân T - TGĐ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh S - Phó TGĐ

Theo Quyết định ủy quyền số 38/QĐ-ALCL-HCNS ngày 04/12/2020

Bị đơn: Công ty thương mại và vận tải đường biển D

Địa chỉ: Số A H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy T1 - Chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc

ĐKHK: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa có mặt ông S, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện nguyên đơn ông Dương Thanh S trình bày:

Ngày 27/11/2007 Công ty C - Ngân hàng N (viết tắt là ALCI) với Công ty T5 (gọi Công ty T5) có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số 247/2007/ALCI. Theo hợp đồng thì tài sản cho thuê là 01 tàu vận tải biển, chở hàng tổng hợp, trọng tải 1.950 tấn mang tên Dương Hưng 45-ALCI, số đăng ký VN-2397-VT cấp ngày 07/01/2008. Tổng giá trị tài sản cho thuê là 14.645.060.000đ, tiền đặt cọc là 2.645.060.000đ, tiền ký cược: 300.000.000đ, dư nợ khi cho thuê là 12.000.000.000đ, thời hạn thuê là 120 tháng, lãi suất cho thuê và phương thức thanh toán được thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài chính mà các bên đã ký kết, mục đích thuê là phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê nói trên, thời gian đầu Công ty T5 thanh toán gốc lãi đầy đủ, sau đó vi phạm không thanh toán theo cam kết để phát sinh nợ lớn và kéo dài. Tính đến ngày 31/3/2015, Công ty T5 còn nợ 10.379.004.428đ gồm: nợ gốc: tiền gốc 8.205.384.613, tiền lãi 2.173.619.815đ. Công ty thuê tài chính đã nhiều lần đôn đốc, và có văn bản yêu cầu Công ty T5 thanh toán nhưng vẫn không thực hiện theo cam kết.

Ngày 03/9/2015 Công ty C đã ban hành văn bản số 336/ALCI-KH về việc "Yêu cầu thu hồi tài sản cho thuê tài chính", ngày 24/11/2015 Công ty thuê tài chính tiền hành thu hồi tài sản cho thuê là tàu Dương Hưng. Sau khi thu hồi, Công ty C đã thực hiện các bước theo quy định để xử lý tàu Dương Hưng. Ngày 15/4/2016, Công ty C đã bán đấu giá tàu qua Trung tâm dịch vụ đấu giá Sở tư pháp Thành phố Hà Nội với giá 6.005.000.000đ + tiền thu lãi phạt từ việc bán đấu giá tài sản là 75.805.000đ và tiền ký cược còn lại 300.000.000đ. Tổng số tiền thu được là 6.380.805.000đ.

Số tiền thu được sau khi bán tài sản, Công ty cho thuê tài chính đã chi phí thu hồi và xử lý tài sản là 446.422.623đ, số tiền còn lại Công ty thu vào gốc cho Công ty T5 là 5.914.382.377đ. Tổng số tiền Công ty T5 đã thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính là 12.354.057.764đ tiền gốc và 7.080.876.380đ tiền lãi, tổng là 19.434.934.144đ.

Tính đến ngày 23/5/2023, Công ty T5 còn nợ Công ty cho thuê tài chính 1 số tiền 10.591.415.697đ, trong đó: tiền gốc là 2.291.002.236đ; tiển lãi trong hạn là 2.611.617.721đ và tiền lãi quá hạn: 5.688.795.740đ. Công ty tài chính đề nghị Tòa án buộc Công ty T5 phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc lãi 10.591.415.697đ cho Công ty cho thuê tài chính I và tiền lãi phát sinh tiếp theo trên khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

** Tại bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, ông Trần Duy T1 là người đại diện của Công ty T5 trình bày:*

Về thời gian ký hợp đồng thuê, tài sản thuê và giá trị tài sản thuê như Công ty cho thuê tài chính I trình bày ông đồng ý. Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu Công ty T5 thanh toán gốc lãi đầy đủ cho Công ty C theo đúng

cam kết, sau đó do tình hình kinh tế suy thoái của ngành vận tải biển và lãi suất cao dẫn đến Công ty làm ăn gặp khó khăn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Do Công ty T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty C 1nên Công ty tài chính 1đã thu hồi tài sản cho thuê và bán đấu giá tài sản trên. Tại bản tự khai ông không đồng ý với kết quả bán đấu giá vì cho rằng khi bán đấu giá không có mặt của ông nhưng sau đó ông thay đổi lại quan điểm là thống nhất với kết quả bán đấu giá và không có ý kiến thắc mắc gì.

Quá trình thực hiện hợp đồng, thì Công ty T5 đã thanh toán được cho Công ty thuê tài chính là 12.354.057.764đ tiền gốc và 7.080.876.380đ tiền lãi. Tổng số tiền đã thanh toán là 19.434.934.144đ.

Nay Công ty tài chính khởi kiện yêu cầu Công ty T5 phải thanh toán số tiền nợ gốc lãi còn lại tính đến ngày 17/3/2023 (ngày hòa giải) gồm: tiền gốc là 2.291.002.236đ; tiền lãi trong hạn là 2.611.617.721đ và tiền lãi quá hạn: 5.612.047.165đ. Tổng gốc lãi là: 10.514.667.122đ ông thừa nhận là đúng. Do hiện nay Công ty T5 đã dừng hoạt động từ năm 2017 đến nay, không có khả năng thanh toán, ông là người đại cho Công ty tuổi đã cao, bệnh tật nên số nợ trên khi nào Công ty hoạt động trở lại thì sẽ có trách nhiệm thanh toán nợ cho Công ty cho thuê tài chính I và đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày không có thay đổi, bổ sung gì. Ông Trần Duy T1 người đại diện của Công ty T5 là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại bản tự khai và biên bản hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của nguyên đơn kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng qui đinh của pháp luật. Đối với bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt là đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do vậy, Tòa án thành phố Thanh Hóa giải quyết là đúng

thẩm quyền. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông Trần Duy T1 là người đại diện của Công ty T5 là bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cø khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt ông là đúng quy định.

[2] *Về nội dung*:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 247/2007/ALCI giữa Công ty C - Ngân hàng N (viết tắt là ALCI) với Công ty T5 (gọi Công ty T5) ký ngày 27/11/2007 trên cơ sở tự nguyện. Các nội dung, điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng ghi nhận cam kết cũng như ghi nhận đầy đủ quyền và nghĩa vụ của của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty C đã bàn giao tàu cho Công ty T5 theo đúng thỏa thuận. Thời gian đầu, Công ty T5 đã thanh toán gốc lãi đầy dủ cho Công ty thuê tài chính 1, sau đó đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, các bên thừa nhận Công ty T5 đã thanh toán được số tiền cho Công ty thuê tài chính 1 là 12.354.057.764đ tiền gốc và 7.080.876.380đ tiền lãi, tổng là 19.434.934.144đ và

người đại diện của Công ty T5 công nhận số tiền nợ gốc lãi còn lại như Công ty cho thuê tài chính 1 khởi kiện là đúng. Do đó, yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính 1 dề nghị Tòa án buộc Công ty T5 phải thanh toán tiền nợ tính đến ngày 23/5/2023 là 10.591.415.697đ (trong đó: tiền gốc là 2.291.002.236đ; tiền lãi trong hạn là 2.611.617.721đ và tiền lãi quá hạn: 5.688.795.740đ) và tiền lãi phát sinh tiếp theo trên khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ông T1 là người đại diện cho Công ty T5 đề nghị do Công ty T5 đã dừng hoạt động từ năm 2017 đến nay, không có khả năng thanh toán, ông là người đại cho Công ty tuổi đã cao, bệnh tật khi nào Công ty hoạt động trở lại thì sẽ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C nhưng Công ty C không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[3] *Về án phí*: Công ty T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

Công ty cho thuê tài chính 1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 328 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính 1 Ngân hàng N.

Buộc Công ty T5 phải trả cho Công ty cho thuê tài chính 1 số tiền nợ tính đến ngày 23/5/2023 là 10.591.415.697đ, trong đó: tiền gốc là 2.291.002.236đ; tiền lãi trong hạn là 2.611.617.721đ và tiền lãi quá hạn: 5.688.795.740đ.

Công ty T5 tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 24/5/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính số 247/2007/ALC1 ngày 27/11/2007 đã được ký kết giữa các bên.

Về án phí: Công ty T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 118.591.416đ.

Trả lại cho Công ty cho thuê tài chính 1 Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.196.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0002720 ngày 31/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyệ thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Công ty cho thuê tài chính 1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty T5 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Ho¸;
- Chi cục T;
- Lưu hồ sơ .

+-Trần Thị Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA** Số: 37/2023/QĐ-SCBA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *TP Thanh Hóa, ngày 01 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung Bản án do nhầm lẫn trong Bản án số 02/2023/DSST- KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, giữa:

Nguyên đơn: Công ty C tài chính 1 Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số D P, phường K, Đ, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Xuân T - TGĐ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh S - Phó TGĐ

Theo Quyết định ủy quyền số 38/QĐ-ALCL-HCNS ngày 04/12/2020

Bị đơn: Công ty thương mại và vận tải đường biển D

Địa chỉ: Số A H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Duy T1 - Chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc

ĐKHK: H, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 02/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa như sau:

Tại dòng thứ 05 đến 09 trang 5 từ trên xuống phần quyết định của Bản án đã ghi:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 328 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 472; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKS TPTH;
- THATPTH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thủy